

PHỤ LỤC 1: BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THẺ TÍN DỤNG CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

STT	Dịch vụ	Mức phí (các phí có dấu * thuộc đối tượng miễn VAT, các phí còn lại đã bao gồm VAT)	Tối thiểu	Tối đa
1	Phí phát hành (trên cơ sở hợp đồng tín dụng mới)*:	Miễn phí		
2	Phí phát hành lại thẻ (do thay đổi loại thẻ/hạng thẻ/mất/hỏng/gãy, giữ nguyên hợp đồng tín dụng đang có hiệu lực) Áp dụng cho thẻ phụ	Sau mỗi lần phát hành mới thẻ phụ (tính theo đầu thẻ chính), miễn phí PHL tối đa 2 lần tính trên tổng số các thẻ phụ được PHL, thu phí từ lần thứ 3 trở đi: 200.000 VND/thẻ		
3	Phí thường niên (thu theo năm, căn cứ thời hạn hiệu lực thẻ) Áp dụng cho thẻ phụ	599.000 VND/thẻ		
4	Phí giao dịch ngoại tệ (Áp dụng cho các giao dịch khác VND)	1%*số tiền giao dịch		
5	Phí giao dịch nội tệ ở nước ngoài (Áp dụng cho các giao dịch bằng VND được thực hiện tại đơn vị bán hàng có mã nước khác Việt Nam (căn cứ trên thông tin Ngân hàng thanh toán gửi về cho Techcombank)	1%*số tiền giao dịch		
6	Phí chậm thanh toán thẻ tín dụng * (Phí chậm thanh toán thuộc đối tượng không chịu thuế VAT):	6% * số tiền chậm thanh toán	200.000 VND	

Các trường hợp miễn giảm phí

1. Ưu đãi phí thường niên khi phát hành thẻ Techcombank:

- 1.1. **Đối với thẻ tín dụng phát hành mới:** Hoàn phí thường niên năm đầu cho chủ thẻ phát hành mới nếu tổng giá trị giao dịch chi tiêu từ **5.000.000 VNĐ** trong vòng 30 ngày kể từ ngày kích hoạt thẻ đạt mức tối thiểu như bảng dưới theo từng loại thẻ và thỏa mãn các điều kiện khác của Techcombank từng thời kỳ. Không áp dụng cho chủ thẻ có thẻ hủy dưới 6 tháng tính đến thời điểm phát hành thẻ mới và/hoặc thẻ phát hành lại do mất, hỏng, gãy. Số tiền giao dịch tính trên 1 thẻ tín dụng.

- 1.2. **Chính sách miễn phí thường niên năm** tiếp theo cho chủ thẻ chính thẻ tín dụng: khi có tổng giá trị chi tiêu trong năm trước đó đạt mức chỉ tiêu tối thiểu từ 250,000,000 VNĐ

Loại thẻ	Tổng giá trị tối thiểu cần đạt trong 30 ngày kể từ ngày kích hoạt thẻ để được hoàn phí thường niên năm đầu/	Tổng giá trị chi tiêu tối thiểu cần đạt trong năm trước đó để được miễn phí thường niên năm tiếp theo
Thẻ tín dụng Visa Bussines Platinum	5.000.000 VNĐ	250.000.000 VNĐ

2. Các lưu ý khác

- 2.1. Tất cả các phí không được liệt kê trong biểu phí sẽ được hiểu là Miễn phí
- 2.2. Ngày hết hạn thẻ là ngày cuối cùng của tháng hết hạn dập nổi trên thẻ.
- 2.3. Các mức phí không ghi chú cụ thể thẻ chính/ thẻ phụ thì được hiểu mức phí của thẻ chính và thẻ phụ là như nhau
- 2.4. Miễn phí các loại phí, lãi phát sinh đối với thẻ phát hành do các nguyên nhân sau bao gồm nhưng không giới hạn: phục vụ cho dự án kiểm thử, nguyên nhân không xuất phát từ khách hàng theo xác nhận của Trung tâm Chăm sóc Khách hàng và Vận hành Dịch vụ Thẻ - Khối Vận Hành

PHỤ LỤC 2: CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT THẺ TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP

Mức lãi suất áp dụng cho Chủ thẻ chính Thẻ tín dụng Khách hàng Tổ Chức như sau:

Mục	Hạng thẻ	Lãi suất
1	Techcombank Visa Bussines Platinum	28%/năm

2. Mức lãi suất áp dụng cho chủ thẻ phụ thẻ tín dụng Khách hàng Tổ Chức: Áp dụng theo lãi suất thẻ chính.

3. Mức lãi suất trên được áp dụng cho toàn bộ chủ thẻ hiện hữu và chủ thẻ mới kể từ thời điểm quyết định này có hiệu lực.

4. Lãi suất quá hạn (áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn): Trong trường hợp dư nợ thẻ bị chuyển nợ quá hạn, Khách hàng phải trả lãi suất quá hạn theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn quy định tại quyết định này tại thời điểm chuyển quá hạn tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả hoặc mức lãi suất quá hạn khác theo quy định của pháp luật theo từng thời kỳ